

PHẦN 1 : SỐ HỌC

CHUYÊN ĐỀ 1: THỰC HIỆN PHÉP TÍNH

Bài 1. Thực hiện phép tính

$$a/ \frac{3}{5} - \left(\frac{-3}{2} \right) + (-2) \quad b/ \frac{-2}{5} + \frac{3}{10} - \frac{3}{5} + \frac{7}{10} + 1\frac{1}{2} \quad c/ 75\% - \left(1,25 - 2\frac{3}{4} \right) : \frac{3^2}{2}$$

Bài 2. Thực hiện phép tính:

$$a) \frac{3}{4} + \frac{2}{3} - \frac{9}{6} \quad b) \left(\frac{5}{2} + \frac{-1}{6} \right) : \frac{7}{8} - \frac{2}{5} \quad c) \frac{-3}{7} \cdot \frac{4}{19} + \frac{-3}{7} \cdot \frac{15}{19} + 1\frac{2}{7}$$

Bài 3. Thực hiện phép tính:

$$a) \frac{-3}{5} + \frac{-13}{15} + \frac{1}{2} \quad b) 3\frac{1}{2} : \frac{21}{5} - \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{2} \right) \quad c) 25\% - 1\frac{1}{2} + 0,5 \cdot \frac{12}{5}$$

Bài 4. Thực hiện phép tính

$$a) \left(\frac{-3}{7} + \frac{1}{4} \right) : \frac{15}{28} \quad b) \frac{11}{4} \cdot \frac{7}{11} + \frac{1}{4} : \frac{5}{6} - \left(\frac{3}{2} \right)^2 \quad c) 50\% + 1,5 : \left(1 - \frac{1}{3} \right)$$

Bài 5. Thực hiện phép tính sau

$$a) \frac{14}{21} + \frac{-8}{5} + \frac{7}{21} + \frac{3}{5} \quad b) \frac{11}{19} \cdot \frac{-12}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-5}{17} + 2 \quad c) \frac{2}{15} - 1,6 : \left(75\% + 5\frac{1}{4} \right)$$

Bài 6. Thực hiện phép tính : (2đ)

$$a) \frac{3}{4} - \frac{1}{3} + \frac{1}{12} \quad b) \frac{4}{5} \cdot \frac{3}{13} + \frac{4}{5} \cdot \frac{10}{13} - \frac{-1}{5} \quad c) 2,4 + 1,5 : \left(1 - \frac{2}{3} \right)$$

Bài 7. Thực hiện phép tính:

$$a) \frac{-7}{12} + \frac{5}{6} \quad b) \frac{-3}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-3}{7} \cdot \frac{9}{11} + 1\frac{3}{7} \quad c) 75\% - \left(1,25 - \left| -2\frac{3}{4} \right| \right) : \frac{(-3)^2}{2}$$

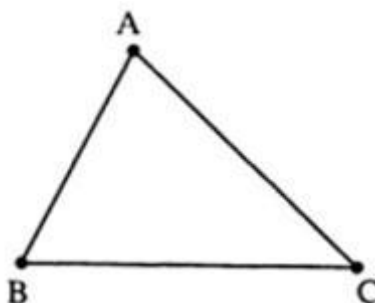
Bài 8. Thực hiện phép tính:

$$a) \frac{2}{3} - \frac{4}{15} + 0,6 \quad b) \frac{3}{16} : \left(\frac{1}{2} - \frac{7}{8} \right) - \left(\frac{2019}{2020} \right) \\ c) 1\frac{1}{5} - 0,4 \cdot \left(50\% - \frac{5}{6} \right) + \left(-\frac{1}{2} \right)^2 \quad d) \frac{-3}{11} \cdot \frac{5}{7} - \frac{3}{11} \cdot \frac{2}{7} + \frac{7}{11}$$

PHẦN 2 : HÌNH HỌC

BÀI 9 : TAM GIÁC

1. Tam giác ABC là gì?



Định nghĩa: Tam giác ABC là hình gồm ba đoạn thẳng AB; BC; CA khi ba điểm A; B; C không thẳng hàng

Nhận xét: Một tam giác có: 3 cạnh, 3 đỉnh, 3 góc

Ví dụ: Tam giác ABC có ba cạnh AB; BC; CA ba đỉnh A; B; C và ba góc $\angle A$; $\angle B$; $\angle C$

Chú ý:

Một điểm nằm bên trong tam giác nếu nó nằm trong cả 3 góc của tam giác. Một điểm không nằm trong tam giác và không nằm trên cạnh nào của tam giác gọi là điểm ngoài của tam giác

BÀI TẬP

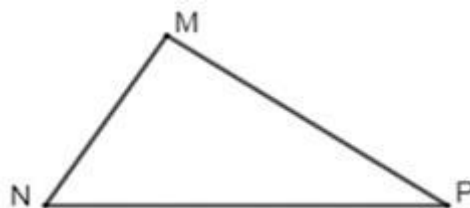
Bài tập Tam giác

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Chọn câu đúng nhất: Tam giác ABC là hình có:

- A. Ba cạnh AB; AC; BC
- B. Ba đỉnh A; B; C
- C. Ba góc $\angle A$; $\angle B$; $\angle C$
- D. Cả A, B, C đều đúng

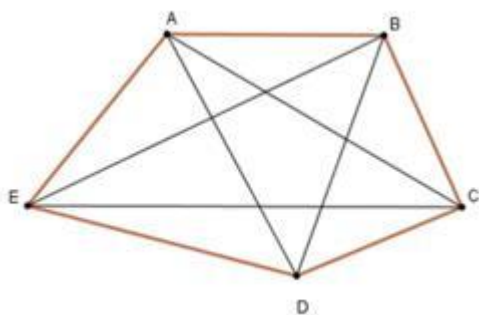
Câu 2: Chọn câu sai khi nói về tam giác MNP



- A. $\triangle MNP$ có 3 góc là: $\angle MNP$; $\angle MPN$; $\angle PMN$
- B. $\triangle MNP$ có 3 đường thẳng là: MP; MN; PN
- C. Ba điểm M; N; P không thẳng hàng
- D. $\triangle MNP$ có 3 cạnh là: MN; PM; PN

Câu 3: Cho 5 điểm A; B; C; D; E trong đó không có ba điểm nào thẳng hàng. Có bao nhiêu tam giác có các đỉnh là 3 trong 5 đỉnh trên:

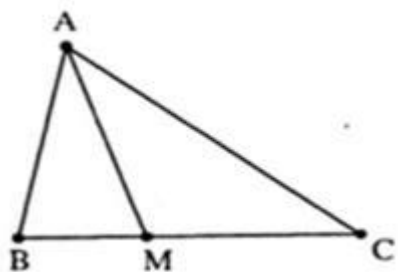
- A. 9
- B. 10
- C. 8
- D. 7



Câu 4: Cho đường thẳng d không đi qua O . Trên d lấy sáu điểm $A; B; C; D; E; F$ phân biệt. Có bao nhiêu tam giác nhận điểm O làm đỉnh và hai đỉnh còn lại là hai trong 6 điểm $A; B; C; D; E; F$

- A. 15 B. 12 C. 6 D. 9

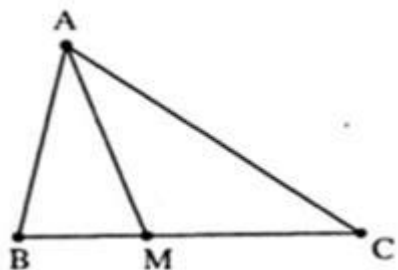
Câu 5: Cho hình vẽ sau:



Kể tên các tam giác có trên hình vẽ:

- A. $\triangle ABM$; $\triangle AMC$; $\triangle ABC$
 B. $\triangle AMC$; $\triangle ABC$
 C. $\triangle ABM$; $\triangle ABC$
 D. $\triangle ABC$

Câu 6: Cho hình vẽ sau:



Kể tên các góc trong tam giác ABM:

II. Bài tập tự luận

Câu 1: Vẽ hình liên tiếp theo các cách diễn đạt sau đây:

- Vẽ tam giác ABC, có $AB = 6\text{cm}$, $BC = 6\text{cm}$ và $CA = 6\text{cm}$
- Vẽ tiếp các điểm M, N, P tương ứng là trung điểm của AB, BC, CA
- Vẽ tiếp tam giác MNP.
- Đọc tên các đỉnh, các góc, các cạnh của tam giác có 3 đỉnh lấy từ các điểm A, B, C, M, N, P